TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **52/**2019/QĐST- HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 29 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 36/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Thu Ph, sinh năm 1986

Đăng ký HKTT: Thôn P, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

Nơi ở hiện nay: Tổ Dân phố M, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn K**,** sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn P, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, 83, 107, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 3 năm 2019

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Thu Ph. và Anh Lê Văn K.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Giao cháu Lê Mạnh T, sinh ngày 12/02/2017 cho chị Trần Thị Thu Ph. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục sau ly hôn. Anh Lê Văn K. có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ph, mức cấp dưỡng là 800.000 đồng/ tháng (Tám trăm nghìn đồng/ một tháng), phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng kể từ tháng 4/2019 cho đến khi cháu T. đủ 18 tuổi.

Anh K. có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản, đất đai, công nợ chung:* Chị Trần Thị Thu Ph. và Anh Lê Văn K. xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về án phí: Chị Trần Thị Thu Ph. tự nguyện nộp toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án

phí, lệ phí Toà án số 0000256 ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị Trần Thị Thu Ph. số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng)

Anh Lê Văn K. phải nộp án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

Nơi nhận
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND thành phố TQ (2 bản);
- THADS thành phố TQ (để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã L. (để biết);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Chiến